TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 261/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 10/4/2018
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chót

Bà Huỳnh Thị Minh Tâm

Thư ký phiên toà: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 04 năm 2018 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 96/2017/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 458/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Trúc L, sinh năm 1996; Nơi cư trú: 133/3 ấp TQ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1993; Nơi cư trú: 45/2 ấp AT, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Nguyên đơn chị Trần Thị Trúc L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Trúc L trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 2014 chị và anh Nguyễn Văn P quen biết, có tìm hiểu nhau mới tiến đến hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, và

được cấp giấy đăng ký kết hôn vào ngày 06/5/2014. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cải vã, anh P chỉ biết lo ăn chơi, không chăm lo gia đình; chị và anh P đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Trần Phúc H, sinh ngày 17/11/2013 hiện nay đang sống với anh P, chị đồng ý để anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: chị không có yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định pháp luật, bị đơn không tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo qui định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Trúc L về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Về con chung: Anh Nguyễn Văn P được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Trần Phúc H, sinh ngày 17/11/2013. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không có yêu cầu. Về tài sản chung: Chị L trình bày không có nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Chị L trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Trần Thị Trúc L thì vụ án có quan hệ "*Tranh chấp ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Nguyễn Văn P có nơi cư trú tại ấp AT, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, 69 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị Trúc L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh P vắng mặt không lý do, Tòa án xét xử vắng mặt anh P là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Về hôn nhân: Tại phiên tòa chị Trần Thị Trúc L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn P; cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do chị và anh P bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, anh P bỏ bê gia đình và không biết tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nên chị và anh P đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Hội đồng xét xử nhận định: Chị Trần Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn P kết hôn với nhau vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P. Hôn nhân được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ra thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm đã tống đạt hợp lệ cho anh P, nhưng anh P không có văn bản nêu ý kiến về việc chị L yêu cầu ly hôn với anh, về con chung, tài sản chung, nợ chung cũng như anh P không đến Tòa án dự các phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử sơ thẩm; Anh P vắng mặt tại Tòa, tuy nhiên qua trao đổi, làm việc với bà Huỳnh Thị Ngọc M là mẹ ruột của chị L thì bà M cho biết chị L và anh P đã sống ly thân đã 03 năm, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly thân là do anh P có tình cảm bên ngoài. Nay cuộc sống vợ chồng giữa chị L với anh P đã không còn hạnh phúc, chị L có yêu cầu ly hôn với anh P thì đề nghị Tòa án cứ xem xét, giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Như vậy, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn P là có thật, trong thời gian vợ chồng chung sống anh P đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình *" .... vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*; Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Trúc L là phù hợp.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Trần Phúc H, sinh ngày 17/11/2013 hiện đang sống với anh P, chị L đồng ý giao cháu Hậu cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, nên để anh P nuôi cháu Hậu là phù hợp; chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Chị L trình bày không có, không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị L trình bày không có, không xem xét giải quyết.

5. Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Chị L không có yêu cầu, không xem xét giải quyết.

6. Chị Trần Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Trúc L đối với anh Nguyễn Văn P. Chị Trần Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Phúc H, sinh ngày 17/11/2013, chị Trần Thị Trúc L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Chị L trình bày không có, không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị L trình bày không có, không xem xét giải quyết.

5. Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Chị L không có yêu cầu, không xem xét giải quyết.

6. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012156 ngày 20/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- UBND thị trấn Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Văn Phương